TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09-5-2025
"V/v Ly hôn giữa bà Trang và ông Tú"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Yến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Phụng

2. Bà Đặng Ngọc Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Phùng Kim Tho - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 443/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXX-ST ngày 24 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Thạch Kim T**, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số B đường H, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:* Ông **Lê Thanh T1**, sinh năm 1997; nơi cư trú: Số G, đường T, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2025 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Thạch Kim T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T và ông Lê Thanh T1 qua thời gian tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 24/8/2010, tại Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; bà T và ông T1 sống hạnh phúc đến giữa năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn; mâu thuẫn thường xuyên xảy ra do không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung, ông T1 thường xuyên uống rượu bia, cờ bạc; bà T đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T1 không thay đổi; bà T và ông T1 đã ly thân từ đầu năm 2024 đến nay, mỗi người có công việc riêng, vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau. Nay, bà T thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà T và ông T1 có 02 người con chung tên Lê Thiện P, sinh ngày 24/01/2007, hiện nay Thiện P đang sống cùng ông T1 và đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; Lê Thạch Hoàng V, sinh ngày 12/01/2018, hiện nay con đang sống chung với bà T và sau khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi Hoàng V, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà T tự thỏa thuận với ông T1, không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Bà T khai trong quá trình hôn nhân đến thời điểm xin ly hôn bà T và ông T1 không có nợ chung.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục tố tụng nhưng ông T1 vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Do, ông T1 không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu trong đơn kiện; ông T1 vắng mặt đến lần thứ hai. Các đương sự không xuất trình chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

Quan điểm Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng, đúng thời hạn xét xử, nguyên đơn bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông T1 vắng mặt đến lần thứ 2 không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T cho ly hôn giữa bà Thạch Kim T và ông Lê Thanh T1; con chung tên Lê Thiện P, sinh ngày 24/01/2007 đã trưởng thành; giao con tên Lê Thạch Hoàng V, sinh ngày 12/01/2018 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của Hoàng V; ông T1 không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết; bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Thạch Kim T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, ông Lê Thanh T1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Ông T1 vắng mặt tại phiên tòa đến lần hai, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Hiện nay, bà T và ông T1 đã ly thân, phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, giữa vợ chồng ông, bà không yêu cầu Cơ quan quản lý Nhà nước về công tác gia đình tại địa phương hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp của ông, bà; Thiện P là con lớn đã trưởng thành, tại bản khai Hoàng V có nguyện vọng muốn sống với mẹ. Bà T xác định rõ nguyên nhân phát sinh tranh chấp trong hôn nhân, do ông T1 thường xuyên uống rượu và cờ bạc, giữa bà T và ông T1 bất đồng quan điểm sống; ông T1 không có ý kiến gì phản đối yêu cầu xin ly hôn, nuôi con của bà T. Do đó, việc thu thập tài liệu, chứng cứ lấy ý kiến tại địa phương để tham khảo là không cần thiết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Trong quá trình giải quyết bà T đã xác định được nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng; bà T và ông T1 có thời gian mâu thuẫn dài; bà T đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T1 không thay đổi; bà T xin ly hôn, ông T1 biết nhưng không đến Tòa để giải quyết, cũng không tìm bà T để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng; từ đó, cho thấy ông T1 cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T, bà T kiên quyết giữ quan điểm ly hôn vì mâu thuẫn không thể hàn gắn, không đoàn tụ được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông T1.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông T1 có 02 người con chung là Lê Thiện P đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết; con Lê Thạnh Hoàng V1 hiện nay đang sống cùng bà T; sau khi ly hôn, bà T vẫn yêu cầu tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, nguyện vọng của con muốn sống với mẹ nên Hội đồng xét xử giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T tự thỏa thuận với ông T1 nên không đặt ra giải quyết; nợ chung: Bà T khai trong thời kỳ hôn nhân đến thời điểm ly hôn bà T và ông T1 không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đồng, ông T1 không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Thạch Kim T và ông Lê Thanh T1.

1.2. Về nuôi con chung: Bà T và ông T1 có 02 người con chung là Lê Thiện P, sinh ngày 24/01/2007 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết; giao Lê Thạch Hoàng V, sinh ngày 12/01/2018 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng (theo nguyên vọng của Hoàng V); ông T1 không cấp dưỡng nuôi con;

Sau khi ly hôn ông T1 có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

1.3. Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết; nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Bà Thạch Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo biên lai thu số N^{0} 0007554 ngày 19/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- TAND tỉnh VL;
- UBND Phường 4, TPVL;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Kim Yến

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1/ .....

2/ ....